|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:26/12/2024 | Tiết PPCT | Ngày dạy | 03,04/01/2025 |
|  68,69 | Lớp | 9C |
| Tiết (TKB) | 5(chiều) |

**BÀI 5 – TIẾT 68,69**

**ÔN TẬP CUỐI KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong sách Ngữ văn 9, tập 1 gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.

- Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp em tự đánh giá kết quả học tập cuối học kì I.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng tổng hợp để làm các bài kiểm tra định kì.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của các kiểu văn bản đã học, kĩ năng các kiểu bài viết.

**b. Năng lực riêng biệt**

 - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ, trách nhiệm, tự giác, tích cực trong học tập và làm việc nhóm.

- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và lòng nhân ái, trân trọng con người, trân trọng cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu.

- SGK, SGV, SBT Ngữ văn 9, tập 1; sách tham khảo đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 9; phiếu giao nhiệm vụ và sản phẩm làm việc của các nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Hoạt động 1. Giao nhiệm vụ chuẩn bị các nội dung ôn tập (Trước buổi học)**

- GV yêu cầu HS chuẩn bị các nội dung ôn tập theo các câu hỏi từ câu 1 – câu 10 trong SGK/136,137).

**\* Hoạt động 2. Chia sẻ kinh nghiệm, kĩ năng**

***a. Mục tiêu:*** HS hệ thống được các nội dung kiến thức, kĩ năng đọc hiểu, viết, nói - nghe đã được học trong học kì I.

***b. Nội dung:*** GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm đã được giao (ở nhà) để ôn lại các nội dung kiến thức đã học.

***c. Sản phẩm:*** Nội dung trao đổi của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV hướng dẫn HS sắp xếp bàn ghế, chỗ ngồi thành hình chữ nhật, chuẩn bị slide trình chiếu cho buổi workshop, phân công HS điều hành buổi chia sẻ.

- HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn của GV:

+ Người điều hành lần lượt nêu các vấn đề trao đổi, thảo luận, chia sẻ theo gợi ý từ 10 câu hỏi trong SGK.

+ Các thành viên trong lớp cùng nhau thảo luận về từng vấn đề, đồng thời ghi chép, nêu ý kiến nhận xét và phản hồi cho từng nội dung.

- GV tham gia định hướng (nếu cần).

- GV tổng hợp ý kiến; đánh giá, nhận xét, động viên, khuyến khích; đồng thời củng cố, khắc sâu một số kiến thức trọng tâm; Yêu cầu các nhóm chỉnh sửa sản phẩm, tập hợp thành tài liệu ôn tập cho cả lớp.

**\* Dự kiến sản phẩm**

**A. ÔN TẬP PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Câu 1.**

- Trước hết, HS cần phân biệt văn bản thơ và văn bản truyện thơ Nôm (*Truyện Kiều* và *Truyện Lục Vân Tiên*). Văn bản thơ trong sách Ngữ văn 9, tập một chỉ gồm các bài thơ trong Bài 1: *Sông núi nước Nam* (*Nam quốc sơn hà*), *Khóc Dương Khuê* (Nguyễn Khuyến), *Phò giá về kinh* (*Tụng giá hoàn kinh sư* – Trần Quang Khải), *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* (Trích *Chinh phụ ngâm* – Đặng Trần Côn), *Cảnh vui nhà nghèo* (Tản Đà).

- Trong các văn bản nêu trên (Bài 1) có hai thể thơ: tứ tuyệt Đường luật và song thất lục bát. Vì thế, khi đọc các văn bản thơ, HS cần chú ý đặc điểm của hai thể thơ ấy ứng với mỗi văn bản.

**Câu 2.** GV cần lưu ý HS liệt kê lại các văn bản truyện thơ Nôm (Bài 2) và truyện ngắn (Bài 4) trong sách Ngữ văn 9, tập một. Từ đó, thực hiện yêu cầu của bài tập. Gợi ý:

- Truyện thơ Nôm chỉ là một thể loại của truyện nói chung nên giống nhau ở các đặc điểm của truyện như: là văn xuôi, sử dụng phương thức tự sự, hư cấu, thường có có cốt truyện, nhân vật,...

- Truyện thơ Nôm có những đặc điểm riêng:

• Truyện nhưng được kể bằng thơ, theo thể lục bát.

• Cốt truyện của truyện thơ Nôm theo mô hình ba chặng: Gặp gỡ – Lưu lạc (hoặc Thử thách) – Đoàn tụ.

• Nhân vật trong truyện thơ Nôm thường được chia thành hai tuyến đối lập nhau gồm các nhân vật chính diện (đại diện cho cái thiện, chính nghĩa) và các nhân vật phản diện (đại diện cho cái ác, sự phi nghĩa).

• Lời thoại trong truyện thơ Nôm bao gồm đối thoại và độc thoại.

- Một số lưu ý về các đọc thể loại:

+ **Hiểu được một số đặc điểm của truyện thơ Nôm như cốt truyện, nhân vật, lời đối thoại và độc thoại,...**

**+ Các văn bản truyện thơ Nôm được học thường là những đoạn trích từ tác phẩm dài, vì thế khi đọc các đoạn trích này, cần chú ý:**

* **Tìm hiểu về vị trí của đoạn trích.**
* **Xác định được chủ đề của đoạn trích.**
* **Các nhân vật gồm những ai và mối quan hệ giữa họ như thế nào?**
* **Nội dung và ý nghĩa của đoạn trích có gì sâu sắc?**
* **Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích, đặc biệt là nghệ thuật tự sự (diễn biến sự việc), miêu tả tâm lí (diễn biến nội tâm), nghệ thuật sử dụng ngôn từ, các biện pháp nghệ thuật khác,...**

**+ Xác định và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản truyện thơ Nôm muốn gửi đến người đọc thông qua một số yếu tố hình thức nghệ thuật**

**Câu 3.**

- Đề tài và chủ đề chung của các văn bản thông tin trong Bài 3 là: giới thiệu và ca ngợi các danh lam thắng cảnh.

- Nội dung các văn bản trong Bài 3 có ý nghĩa sâu sắc trong việc giới thiệu cảnh đẹp thiên nhiên của Việt Nam và nước ngoài, giáo dục lòng tự hào về đất nước, ý thức bảo tồn và phát huy giá trị của các danh lam thắng cảnh ấy.

- Những lưu ý về cách đọc văn bản thông tin:

**+ Hiểu đúng thế nào là một danh lam thắng cảnh (những cảnh quan thiên nhiên đẹp hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mĩ, khoa học).**

**+ Nắm được đặc điểm của kiểu văn bản thông tin về một danh lam thắng cảnh (mục đích, cách trình bày thông tin, nhan đề,...).**

**+ Vận dụng được cách đọc văn bản thông tin nói chung đã học ở các lớp dưới và yêu cầu riêng của văn bản thông tin về một danh lam thắng cảnh. Chú ý nghĩa và cách dùng tên viết tắt thường có trong văn bản thông tin.**

**+ Biết liên hệ với những danh lam thắng cảnh ở quê hương mình (xóm, phố, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố) cũng như trên phạm vi toàn quốc và thế giới.**

**Câu 4.**

- Các văn bản nghị luận xã hội trong sách Ngữ văn 9, tập một có chung nội dung là bàn về việc tự học và cách thức đọc sách.

- Khi đọc, cần chú ý các đặc điểm của văn bản nghị luận: mục đích thuyết phục, nêu ý kiến và làm sáng tỏ ý kiến bằng các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.

**Câu 5.** HS tự làm. Có thể thấy các văn bản đều có nội dung gần gũi, sâu sắc và thiết thực với cuộc sống hiện nay. Chẳng hạn, qua truyện Làng của Kim Lân, có thể thấy dù bối cảnh cuộc sống có thay đổi như thế nào đi nữa thì tình yêu quê hương vẫn còn mãi, vẫn là một tình cảm gần gũi, thân thương đối với mỗi con người.

**B. ÔN TẬP PHẦN VIẾT**

**Câu 6.**

- HS thống kê những kiểu văn bản được luyện viết trong sách Ngữ văn 9, tập một. Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Dạng văn bản viết** | **Kiểu văn bản** |
| 1 | Phân tích một tác phẩm thơ | Nghị luận văn học |
| 2 | Phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học | Nghị luận văn học |
| 3 | Viết văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh | Thuyết minh |
| 4 | Phân tích một tác phẩm truyện | Nghị luận văn học |
| 5 | Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết | Nghị luận xã hội |

- HS đối chiếu yêu cầu viết với phần Đọc hiểu của mỗi bài để thấy vai trò của nội dung đọc hiểu với phần Viết.

**Câu 7.** HS thống kê các kĩ năng viết đã ghi rõ ở năm bài học, phần thực hành rèn luyện kĩ năng viết, gồm: *so sánh trong phân tích thơ; phân tích văn học (thơ, truyện, kí, kịch); miêu tả và tự sự trong văn thuyết minh; phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện; sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận.* Từ đó nêu và lí giải kĩ năng mà cá nhân thấy khó.

**C. ÔN TẬP PHẦN NÓI VÀ NGHE**

**Câu 8.** Nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe liên quan đến nội dung phần Đọc hiểu và Viết trong mỗi bài học ở chỗ: Nội dung phần Viết dựa vào nội dung các văn bản đọc hiểu, nội dung phần Nói và nghe được chuyển từ nội dung của phần Viết để thực hành.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung đọc hiểu, viết** | **Nội dung nói và nghe** |
| 1 | - Đọc hiểu văn bản thơ Đường luật. | Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến trình bày về sự giống nhau, khác nhau của hai văn bản (có văn bản đọc). |
| 2 | - Đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm.- Viết bài văn phân tích một đoạn trích trong tác phẩm văn học (truyện thơ Nôm). | Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến trình bày về một vấn đề trong các truyện thơ Nôm đã học. |
| 3 | - Đọc hiểu văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh.- Viết văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh. | Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh. |
| 4 | - Đọc hiểu văn bản truyện ngắn.- Viết bài văn phân tích tác phẩm truyện. | Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống rút ra từ các văn bản đọc. |
| 5 | - Đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội.- Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết. | Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự. |

**D. ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**Câu 9.**

- Những nội dung chính của phần tiếng Việt trong sách Ngữ văn 9, tập 1:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung tiếng Việt** |
| 1 | Một số hiểu biết về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ |
| 2 | Điển cố, điển tích |
| 3 | Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế |
| 4 | Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp |
| 5 | Câu đơn, câu ghép |

- Các nội dung chính của phần tiếng Việt đều lấy ngữ liệu từ các văn bản đọc hiểu và được vận dụng trong phần Viết, Nói và nghe; ngược lại, các nội dung này cũng làm sáng tỏ thêm cho nội dung các phần Đọc hiểu, Viết, Nói và nghe.

**\* Hoạt động 3. Định hướng đánh giá**

***a. Mục tiêu:*** HS xác định được ma trận, cấu trúc đề kiểm tra cuối học kì I.

***b. Nội dung:*** GV hướng dẫn HS tìm hiểu ma trận, cấu trúc đề kiểm tra và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã được học để giải quyết các dạng câu hỏi, bài tập.

***c. Sản phẩm:*** Ma trận đề kiểm tra và phương pháp làm các dạng câu hỏi, bài tập trong đề kiểm tra học kì I.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV trình chiếu ma trận, hướng dẫn HS xác định phạm vi kiến thức, cấu trúc đề, các dạng câu hỏi, bài tập dự kiến kiểm tra dựa trên ma trận.

- HS căn cứ nội dung kiến thức, kĩ năng đã được ôn tập:

+ Xác định được phạm vi kiến thức,

+ Cấu trúc đề,

+ Cách thực hiện các dạng câu hỏi, bài tập.

- GV gọi một số HS trình bày, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, định hướng, nhấn mạnh những yêu cầu, kĩ năng quan trọng và gửi ma trận đính kèm tài liệu ôn tập tổng hợp của lớp.

**\* Hoạt động 4. Luyện tập, vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân giải quyết câu hỏi và bài tập trắc nghiệm và tự luận theo mức độ kiến thức ( Biết – Hiểu – Vận dụng thấp – Vận dụng cao)

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**-** Luyện tập một số đề đọc hiểu ngoài chương trình để củng cố, mở rộng kiến thức về

***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Gv Phát đề cho hs, yêu cầu hs độc lập làm các câu hỏi cho từng đề

- GV hướng dẫn học sinh sửa chữa đề( chú ý bám sát đặc trưng thể loại, đặc điểm của thể loại truyện, VB thông tin và văn bản nghị luận )

**Đề 1:** Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

**BÀ BÁN BỎNG CỔNG TRƯỜNG TÔI**

**(Lược trích một đoạn**: *Trước cổng trường nhân vật tôi có bà bán bỏng tóc bạc phơ, lưng hơi còng, rất hiền hậu. Bà bán hàng thường thêm bỏng cho lũ trẻ nên đứa nào cũng thích mua hàng của bà. Một hôm, thằng Tòng béo lớp tôi phao tin đồn là bà bán bỏng bị ho lao, có thể lây nhiễm. Thế là bọn bạn lớp tôi không còn ra mua hàng cho bà như trước. Tin đó truyền đi khắp trường, hàng bỏng của bà có khi ế đến mấy ngày không bán nổi. Thế rồi bà không bán bỏng ở cổng trường nữa. Tôi và lũ bạn cũng chẳng ai nhớ tới bà, chúng tôi lại chuyển sang mua ô mai, táo dầm*.)

Một hôm mẹ tôi sai tôi ra chợ mua mở rau, tôi bỗng gặp bà bán bỏng, trông bà gầy nhiều, lưng còng hẳn xuống, quần áo rách rưới, bà chống gậy và đeo một cái bị đi vào hàng cơm, bà lấy trong bị ra một cái bánh mì khô và nói gì nho nhỏ với bà hàng cơm, nghe không rõ. Tôi chỉ nghe tiếng quát mắng to tướng của bà hàng cơm:

- Nướng nhanh lên mà đi cho khuất mắt. Trông người chả ra người, như con gà rù thế kia mà ám hàng người ta thì làm sao người ta bán được...

Bà bán bỏng lật đật đến gần bếp lò run rẩy nhét cái bánh mì vào phía dưới lò. Chứng kiến tất cả cái cảnh ấy tự nhiên tôi thấy thương bà quá. Tôi chạy lại gần bà, ấn vội vào tay bà số tiền mẹ tôi đưa mua rau rồi chạy vụt về. Tôi về nhà kể lại với mẹ tôi mọi việc, mẹ tôi không mắng tôi về việc ấy mà lại trách tôi chuyện khác kia. Mẹ bảo:

- Con giúp đỡ người nghèo là đúng, nhưng con thử nghĩ xem, với số tiền mua rau ấy bà già chỉ sống được một bữa, còn bữa sau thì sao? Đáng lẽ trước kia con và các bạn con đừng tung cái tin “bà bán bỏng ho lao” ra thì chắc bà vẫn sống được tử tế. Đằng này, vô tình con và các bạn con đã hại bà ấy. Các con chưa hiểu được đâu. Chưa hiểu được một người già mà phải đói khát thì khổ đến thế nào... Mẹ còn nói nhiều nhiều nữa nhưng thấy tôi rân rấn nước mắt nên mẹ thôi. Mẹ lại đưa tiền cho tôi đi mua rau.

Hôm sau đến lớp tôi kể cho các bạn nghe mọi sự việc, kể cả chuyện mẹ tôi đã mắng tôi như thế nào. Các bạn nghe mà ai cũng bùi ngùi cảm thấy mình có lỗi, bỗng có bạn lên tiếng:

- Thế ai bảo cậu Tòng là bà ấy họ lao?

- Ai bảo? Ai bảo?... – Tất cả nhao lên như muốn lên án Tòng.

- Tớ cũng chẳng nhớ. – Tòng trả lời yếu ớt. – Tớ nghe thấy thế.

- Cậu nghe chưa chính xác mà đã nói. Cậu ác thế! Ác thế!

- Khổ thân bà ấy. – Một bạn nói. – Làm thế nào để giúp bà ấy bây giờ? Hay là góp tiền lại đem cho bà ấy.

- Làm thế chẳng được đâu. – Tôi nói. – Mẹ tớ bảo là khi bà ấy ăn hết số tiền mình cho thì bà ấy lại đói. Hay là khi nào tớ gặp bà ấy tớ sẽ bảo: “Bà cứ bán bỏng đi chúng cháu lại mua cho bà” mà tất cả chúng mình phải mua của bà ấy kia, bảo cả bọn lớp khác nữa.

- Ừ, phải đấy! – Một bạn nói. – Tất cả chúng mình đều mua.

- Tất cả.

Tất cả. – Các bạn đồng thanh tán thành. Có bạn lại còn đề ra mình sẽ ăn sáng bằng bỏng.

 (Theo Xuân Quỳnh, *Trời xanh của mỗi người*, *NXB Kim Đồng, 2017, tr 99-106*

**Câu 1: Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy**

A. Ngôi thứ nhất.

B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ ba.

D. Ngôi một và ngôi ba.

**Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên?**

A. Miêu tả+ Tự sự.

B. Tự sự .

C. Tự sự+ Biểu cảm.

D. Biểu cảm.

**Câu 3: Bối cảnh xảy ra câu chuyện**

A. Tại nhà của nhân vật tôi.

B. Tại cổng trường.

C. Tại nhà bà bán bỏng.

D. Trước cổng nhà của nhân vật tôi.

**Câu 4: Trong văn bản, nhân vật tôi bị mẹ trách vì điều gì?**

A. Vì tôi đã chê bà bán bỏng lóng ngóng chậm chạp

B. Vì tôi đã có những lời nói vô lễ với bà .

C. Vì tôi đã cùng các bạn trong lớp tung tin bà bán bỏng họ lao, khiến không còn ai mua bỏng làm bà mất đi kế sinh nhai.

D. Vì không giúp đỡ bà.

**Câu 5: Phương án nào sau đây nhận xét *không đúng* về nghệ thuật của đoạn trích.**

A. Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi.

B. Sự việc và cốt truyện đơn giản, dễ hiểu.

C.Nhân vật chia thành 2 tuyến đối lập nhau.

D.Kết hợp đan xen giữa phương thức tự sư với miêu tả.

**Câu 6: Chủ đề của truyện ngắn trên là gì?**

**A. Ca ngợi lòng nhân ái, tình yêu thương con người trong cuộc sống.**

**B. Ca ngợi tinh thần đoàn kết .**

**C. Thể hiện sự đồng cảm , chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống.**

**D. Số phận con người nghèo khổ.**

**Câu 7: Qua những hành động và việc làm của nhân vật tôi sau khi chứng kiến hoàn cảnh của bà bán bỏng, em nhận thấy nhân vật tôi có phẩm chất gì?**

A. Là người vô cảm,thờ ơ.

B. Là người chưa biết quan tâm đến những người xung quanh.

C. Là người có tấm lòng nhân hậu, có trách nhiệm khắc phục lỗi lầm.

D. Là người có lòng dũng cảm.

**Câu 8: Ý kiến nào *không đúng* với nhận định thái độ của tác giả đoạn trích**

A. Ngợi ca trân trọng những người người có tấm lòng nhân hậu, biết quan tâm, chia sẻ những người có hoàn cảnh khó khăn.

B. Đề cao tình người trong cuộc sống.

C. Phê phán lối sống ích kỉ, thờ ơ trong cuộc sống.

D. Đồng tình,ủng hộ với việc làm , việc làm của nhân vật người bán hàng cơm.

**Câu 9: “ …**tôi bỗng gặp bà bán bỏng, trông bà gầy nhiều, lưng còng hẳn xuống, quần áo rách rưới, bà chống gậy và đeo một cái bị đi vào hàng cơm, bà lấy trong bị ra một cái bánh mì khô và nói gì nho nhỏ với bà hàng cơm, nghe không rõ….”

Hãy chỉ ra biện pháp tu từ đặc sắc trong câu văn trên và nêu hiệu quả?

**Câu 10:** Từ văn bản, thông điệp nào anh /chị tâm đắc nhất? Vì sao?

**Đề 2: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi**

**ĐỘNG PHONG NHA- KỲ QUAN ĐỆ NHẤT ĐỘNG**

Động Phong Nha đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Nơi đây có nhiều đặc biệt về thiên nhiên, vẻ đẹp ấy hấp dẫn với bất cứ ai từng đến nơi đây.

**Khái quát về động Phong Nha**

Động Phong Nha nằm trong vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, là Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận, thuộc xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, cách thành 13phố Đồng Hới về phía Tây Bắc khoảng 45km.

Trong các hang động thì Phong Nha thật sự nổi bật nhất với chiều dài khảo sát lên tới gần 8km, có nhiều hang động đẹp, thạch nhũ bắt mắt. Tất cả làm nên vẻ đẹp hùng vĩ, mang tới cảm giác lý thú, thư thái và dễ chịu cho du khách tới đây tham quan.

**Tên gọi của động Phong Nha**

Động Phong Nha cái tên đầy thi vị mang ý nghĩa “gió luồn qua kẽ răng” vì sở hữu những măng đá rũ xuống ở cửa hang, tạo nên hình ảnh biểu tượng đúng với cái tên Phong Nha.

Tuy thường được gọi là động Phong Nha Kẻ Bàng nhưng thực chất động Phong Nha chỉ là một trong số rất nhiều hang động khác thuộc vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng mà thôi. Nơi

đây còn được mệnh danh là “Thiên Nam đệ nhất động” khi trở thành điểm đầu tiên được đưa vào khai thác phục vụ du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình.

**Đặc điểm cấu tạo của Động Phong Nha.**

Động dài 7.729 m, cửa động rộng 20-25m, cao 10m, sâu 83m, gồm 12 hang chính và khá nhiều nhánh hang phụ nối liền nhau. Đặc trưng của nơi đây là sở hữu nhiều thạch nhũ với nhiều hình dáng đẹp, bắt mắt với không khí mát mẻ, dễ chịu, rất được du khách yêu thích.

[…]

**Giá trị văn hóa của Phong Nha - Kẻ Bàng ẩn chứa tại đây**

Giá trị về thiên nhiên: Động Phong Nha mở ra trước mắt mọi người một vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ mà thiên nhiên ban tặng cho con người, là giá trị tuyệt vời mà không một bàn tay nào có thể làm nên.

Giá trị về lịch sử: Suốt nhiều năm khai thác, động vẫn giữ được vẻ đẹp trường tồn với thời gian, ghi lại dấu ấn đậm sâu và vẹn nguyên sức hấp dẫn trong lòng mỗi du khách.

Giá trị về du lịch: Thông qua việc bảo tồn và khai thác giá trị thiên nhiên của động Phong Nha, nơi đây đã góp phần đẩy mạnh phát triển du lịch của cả khu vực, đón hàng triệu khách từ khắp mọi miền Tổ Quốc cũng như trên khắp thế giới tới đây khám phá mỗi năm, giúp người dân Quảng Bình có thêm nhiều cơ hội phát triển hơn.

 *(Theo vinpearl.com - 14-01-2023)*

**Câu 1. (0,5 điểm)**. Văn bản trên thuộc loại văn bản thông tin nào?

**Câu 2. (0,5 điểm)** Nêu cách đánh giá của người viết về danh lam thắng cảnh Động Phong Nha được thể hiện qua nhan đề.

**Câu 3. (1,0 điểm)** Nêu tác dụng của biện pháp liệt kê được thể hiện trong câu: *“Đặc trưng của nơi đây là sở hữu nhiều thạch nhũ với nhiều hình dáng đẹp, bắt mắt với không khí mát mẻ, dễ chịu, rất được du khách yêu thích.*”

**Câu 4. (1,0 điểm)** Nêu tác dụng của việc đưa hình ảnh của Động Phong Nha vào trong văn bản.

**Câu 5. (1,0 điểm)** Chỉ ra những thông điệp ý nghĩa mà người viết đã thể hiện qua văn bản.

**PHẦN II: VIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

1. Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Làm sao giúp các bạn học sinh cân bằng giữa học tập và giải trí.

2. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết: Hiện nay tình trạng học sinh thiếu ý thức tham gia giao thông an toàn ngày càng phổ biến. Là học sinh, em hãy đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao ý thức chấp hành luật giao thông của giới trẻ, đặc biệt là học sinh.”

**\* GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN HS BÀI TẬP VÀ CHUẨN BỊ Ở NHÀ**

- Củng cố khắc sâu kiến thức ( Văn bản, Tiếng Việt, Viết) ở HK I

- Hoàn thành các bài tập Phần luyện tập vận dụng

- Tìm tòi : Thêm 1 số đề khác ngoài chương trình nhà trường để rèn luyện kỹ năng, chuẩn bị tốt cho kì thi KSCL cuối HKI.